



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN



**BẢN TIN PHÁP LUẬT
THÁNG 12/2025**

MỤC LỤC

A. VĂN BẢN MỚI.....	1
1. Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025	1
2. Nghị định 310/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 125/2020/NĐ-CP xử phạt hành chính lĩnh vực thuế	4
B. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN.....	7
1. Chính phủ ban hành Nghị định 318/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Việc làm về đăng ký lao động và hệ thống thông tin thị trường lao động.....	7
2. Những quy định thuế áp dụng từ năm 2026 mà hộ kinh doanh cần lưu ý để bảo đảm tuân thủ chính sách quản lý thuế mới là gì?.....	9
C. ĐIỀU CẦN BIẾT THÊM.....	15
1. Công văn 2229/TNI-QLDN2 về thời điểm, tỷ giá xuất hóa đơn giá trị gia tăng xuất khẩu.....	15
2. Công văn 5875/CT-CS 2025 của Cục Thuế về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp.....	16

A. VĂN BẢN MỚI

1. Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025

Ngày ban hành: 15/12/2025

Ngày hiệu lực: 15/12/2025



Mua hàng hóa từ 5 triệu đồng phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt để được trừ khi tính thuế TNDN

Theo đó, trừ các khoản chi không được trừ quy định tại Điều 10 Nghị định 320, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng

đủ điều kiện (1), (2), (3) sau đây:

(1) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả khoản chi phí bổ sung được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp;

- Khoản chi phí phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ tối đa không quá 200% tính trên chi phí thực tế cho hoạt động này (không bao gồm các khoản chi quy định tại khoản 3 Điều 10 của Nghị định này) phát sinh trong kỳ tính thuế tại doanh nghiệp;

- Việc xác định mức chi được trừ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển quy định tại điểm này phải đảm bảo sau khi áp dụng mức chi bổ sung, doanh nghiệp không bị lỗ;
- Việc xác định khoản chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo;

(2) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

Đối với các trường hợp: Mua sản phẩm là nông, lâm, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra; mua sản phẩm thủ công làm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, song, mây, rơm, vỏ dừa, sọ dừa hoặc nguyên liệu tận dụng từ sản phẩm nông nghiệp của người sản xuất thủ công trực tiếp bán ra; mua phế liệu của người trực tiếp thu nhặt; mua đồ dùng, tài sản của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp bán ra; mua hàng hóa, dịch vụ của cá nhân, hộ kinh doanh (không bao gồm các trường hợp nêu trên) có mức doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng phải có chứng từ chi trả tiền theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ cho người bán (đối với trường hợp giá trị mua hàng hóa, dịch vụ trong ngày của từng hộ, cá nhân từ 05 triệu đồng trở lên phải thanh toán không dùng tiền mặt) và Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm;

(3) Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

- Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của một người bán có giá trị dưới 05 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì

chỉ được tính vào chi phí được trừ trong trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt;

- Trường hợp doanh nghiệp phát sinh các khoản chi do doanh nghiệp ủy quyền/giao cho người lao động trực tiếp mua hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ 05 triệu đồng trở lên mà các khoản chi phí này được thanh toán bởi người lao động bằng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt thì tính vào chi phí được trừ nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau: Có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ và quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ hoặc quyết định của doanh nghiệp quy định việc ủy quyền hoặc cho phép người lao động được phép thanh toán khoản mua hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và khoản chi này sau đó được doanh nghiệp thanh toán lại cho người lao động;

- Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên mà đến thời điểm ghi nhận chi phí, doanh nghiệp chưa thanh toán thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Trường hợp khi thanh toán doanh nghiệp không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì doanh nghiệp phải kê khai, điều chỉnh giảm chi phí đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh việc thanh toán bằng tiền mặt (kể cả trong trường hợp cơ quan thuế và các cơ quan chức năng đã có quyết định thanh tra, kiểm tra kỳ tính thuế có phát sinh khoản chi phí này).

2. Nghị định 310/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 125/2020/NĐ-CP xử phạt hành chính lĩnh vực thuế

Ngày ban hành: 02/12/2025

Ngày hiệu lực: 16/01/2026

Ngày 02/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 310/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn trong đó có nội dung về mức xử phạt hành vi không lập hóa đơn.

Mức xử phạt hành vi không lập hóa đơn theo quy định từ 16/01/2026

Theo đó, hành vi không lập hóa đơn theo quy định bị xử phạt như sau:

(1) Phạt cảnh cáo đối với hành vi không lập hóa đơn đối với:

Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa 01 số hóa đơn;

(2) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn đối với:

Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 02 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định 01 số hóa đơn;

(3) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn đối với:

Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 10 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 02 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn;

(4) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn đối với:

Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 50 số hóa đơn đến dưới 100 số hóa đơn và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 10 số hóa đơn đến dưới 20 số hóa đơn;

(5) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn đối với:

Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 100 số hóa đơn trở lên và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 20 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn;

(6) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 50 số hóa đơn trở lên.



B. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

1. Chính phủ ban hành Nghị định 318/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Việc làm về đăng ký lao động và hệ thống thông tin thị trường lao động.



Ngày 12/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 318/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Việc làm về đăng ký lao động và hệ thống thông tin thị trường lao động.

03 nhóm đối tượng phải đăng ký lao động

Theo Điều 3 Nghị định 318/2025/NĐ-CP quy định 03 nhóm đối tượng được đăng ký lao động như sau:

(1) Người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội 2024.

(2) Người lao động đang có việc làm và không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

(3) Người thất nghiệp là người đang không có việc làm, đang tìm kiếm việc làm và sẵn sàng làm việc.

Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang nhân dân không thực hiện việc đăng ký, điều chỉnh thông tin đăng ký lao động theo quy định tại Nghị định 318/2025/NĐ-CP.

Người lao động tự kê khai hồ sơ đăng ký lao động và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã kê khai; người sử dụng lao động có trách nhiệm thu thập, kê khai và cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông

tin về người lao động khi tuyển dụng, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ lao động theo quy định của Nghị định này; bảo đảm tính trung thực chính xác của thông tin cung cấp.

Quy định về thông tin đăng ký lao động

Theo Điều 4 Nghị định 318/2025/NĐ-CP thông tin đăng ký lao động gồm các thông tin sau:

(1) Thông tin cơ bản của người lao động, gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; dân tộc; nơi ở hiện tại (nơi thường trú hoặc nơi tạm trú).

(2) Nhóm thông tin về giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, chứng chỉ kỹ năng nghề và các chứng chỉ khác, gồm:

(i) Thông tin về trình độ giáo dục phổ thông cao nhất đạt được;

(ii) Thông tin về cấp trình độ, lĩnh vực đào tạo đạt được của giáo dục nghề nghiệp; giáo dục đại học;

(iii) Thông tin về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã đạt được;

(iv) Các chứng chỉ khác.

(3) Nhóm thông tin về tình trạng việc làm và nhu cầu về việc làm, gồm:

(i) Thông tin về việc làm đang làm, gồm: chức vụ, chức danh nghề, nghề nghiệp, loại hợp đồng, địa điểm làm việc;

(ii) Thông tin về người sử dụng lao động, gồm: tên người sử dụng lao động; mã số; loại hình; địa chỉ trụ sở chính; ngành kinh tế;

(iii) Thông tin về tình trạng thất nghiệp, gồm: thời gian thất nghiệp; lý do thất nghiệp;

(iv) Thông tin về nhu cầu việc làm là những thông tin về việc làm mong muốn có được, gồm: nghề nghiệp, loại hợp đồng, mức lương và chế độ phúc lợi, nơi làm việc.

(4) Nhóm thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, gồm:

(i) Thông tin về tình trạng tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, gồm: mã số bảo hiểm xã hội, loại hình, loại bảo hiểm xã hội.

(ii) Thông tin về tình trạng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, gồm: chế độ, thời gian hưởng chế độ.

(5) Nhóm thông tin về đặc điểm, đặc thù, gồm:

(i) Thông tin về người khuyết tật;

(ii) Thông tin về người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có đất thu hồi;

(iii) Thông tin về thân nhân của người có công với cách mạng;

(iv) Thông tin về người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân.

2. Những quy định thuế áp dụng từ năm 2026 mà hộ kinh doanh cần lưu ý để bảo đảm tuân thủ chính sách quản lý thuế mới là gì?

Năm 2026 được xác định là thời điểm bắt đầu áp dụng nhiều quy định mới trong lĩnh vực quản lý thuế, tác động trực tiếp đến hoạt động của hộ kinh doanh. Các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương pháp tính thuế, chế độ hóa đơn, chứng từ, nghĩa vụ kê khai và trách nhiệm phối hợp với cơ quan thuế đều có sự thay đổi đáng kể.

Để hỗ trợ hộ kinh doanh chủ động nắm bắt và thực hiện đúng quy định, bài viết dưới đây sẽ tổng hợp những điểm chính cần lưu ý trong quy định thuế áp dụng từ

năm 2026 mà hộ kinh doanh cần lưu ý để bảo đảm tuân thủ chính sách quản lý thuế mới.

[1] Chủ hộ kinh doanh có nợ thuế có thể bị tạm hoãn xuất cảnh

Căn cứ theo khoản 1 Điều 66 Luật Quản lý thuế 2019 được sửa đổi bởi khoản 9 Điều 6 Luật Sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024 quy định về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp xuất cảnh.

Theo quy định hiện này, ngoài người đại diện pháp luật của doanh nghiệp thì cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh cũng thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định bị tạm hoãn xuất cảnh nếu nợ thuế.

[2] Sàn thương mại điện tử sẽ thực hiện nộp thuế thay cho hộ kinh doanh online

Theo Điều 42 Luật Quản lý thuế 2019 được bổ sung bởi điểm b khoản 5 Điều 6 Luật Sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024 quy định về nguyên tắc khai thuế, tính thuế.

Như vậy, từ nay sàn thương mại điện tử sẽ có trách nhiệm thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ cho hộ kinh doanh trừ trường hợp hộ kinh doanh không thuộc đối tượng được khấu trừ nộp thuế thay thì có nghĩa vụ trực tiếp đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế.

[3] Hộ kinh doanh có doanh thu từ 1 tỷ đồng/năm trở lên bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử kết hợp máy tính tiền và kê khai thuế định kỳ

Căn cứ theo khoản 1 Điều 11 Nghị định 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 8 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP quy định về hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

Theo đó, hộ kinh doanh có mức doanh thu hằng năm từ 1 tỷ đồng/năm trở lên phải sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

[4] Mã số thuế hộ kinh doanh được thay bằng số định danh cá nhân

Tại khoản 2 Điều 38 Thông tư 86/2024/TT-BTC quy định về hiệu lực thi hành.

Theo đó, mã số thuế do cơ quan thuế cấp cho hộ kinh doanh sẽ được thay thế bằng số định danh cá nhân.

[5] Các khoản thanh toán mua bán hàng hóa từ 5 triệu đồng trở lên bắt buộc phải sử dụng phương thức không dùng tiền mặt

Căn cứ tại Điều 26 Nghị định 181/2025/NĐ-CP quy định cụ thể về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Dẫn chiếu đến Điều 3 Nghị định 52/2024/NĐ-CP thì phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt (sau đây gọi là phương tiện thanh toán) là phương tiện do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, công ty tài chính được phép phát hành thẻ tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung ứng dịch vụ ví điện tử phát hành và được khách hàng sử dụng nhằm thực hiện giao dịch thanh toán, bao gồm: séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng (bao gồm: thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ trả trước), ví điện tử và các phương tiện thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Như vậy, ngoài trường hợp đặc thù theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024 và khoản 2 Điều 26 Nghị định 181/2025/NĐ-CP, giá trị hàng hóa trên 5 triệu phải chuyển khoản mới được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

[6] Hộ kinh doanh có doanh thu dưới 500 triệu đồng/năm sẽ được miễn thuế GTGT và thuế TNCN

Ngày 10/12/2025, Quốc hội thông qua Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

Theo đó, Quốc hội chốt ngưỡng doanh thu chịu thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là 500 triệu đồng/năm và cho trừ mức này trước khi tính thuế theo tỉ lệ trên doanh thu. Đồng thời điều chỉnh mức doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng tương ứng lên 500 triệu.

Ngoài ra, bổ sung phương pháp tính thuế trên thu nhập đối với hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm đến 3 tỷ đồng. Áp dụng thuế suất 15% tương tự như thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có doanh thu dưới 3 tỷ đồng/năm. Đồng thời, quy định các cá nhân này được lựa chọn phương pháp tính thuế theo tỉ lệ trên doanh thu hoặc theo thu nhập.

Trước đó, tại khoản 25 Điều 5 và Điều 17 Luật Thuế Giá trị gia tăng 2024 có quy định từ 2026, hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu hằng năm từ 200 triệu đồng trở xuống sẽ không phải nộp thuế GTGT, thuế TNCN.

Như vậy, căn cứ theo quy định nêu trên, từ 2026 hộ kinh doanh có doanh thu hằng năm từ 500 triệu đồng trở xuống sẽ không phải nộp thuế GTGT, thuế TNCN, thay vì 200 triệu đồng trở xuống theo quy định cũ.

[7] Bãi bỏ lệ phí môn bài từ

Theo khoản 7 Điều 10 Nghị quyết 198/2025/QH15 quy định về hỗ trợ thuế, phí, lệ phí quy định.

Như vậy, kể từ ngày 01/01/2026 sẽ chính thức chấm dứt việc thu nộp lệ phí môn bài.

[8] Xóa bỏ thuế khoán

Căn cứ theo khoản 6 Điều 10 Nghị quyết 198/2025/QH15.

Theo đó, hộ kinh doanh sẽ không áp dụng phương pháp khoán thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 mà thay vào đó hộ kinh doanh nộp thuế theo pháp luật về quản lý thuế.

[9] Hộ kinh doanh được chia thành 4 nhóm

Theo đó, từ 1-1-2026, cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh được chia thành 4 nhóm theo ngưỡng doanh thu/năm và phương pháp kê khai nộp thuế khác nhau, gồm:

Nhóm 1: Doanh thu không quá 500 triệu đồng/năm

Nhóm 2: Doanh thu trên 500 triệu đồng đến 3 tỉ đồng/năm: Được lựa chọn nộp thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu hoặc nộp theo lợi nhuận thực tế với thuế suất 15%.

Nhóm 3: Doanh thu trên 3 tỉ đồng đến 50 tỉ đồng/năm: Áp dụng thuế suất thuế TNCN 17%.

Nhóm 4: Doanh thu trên 50 tỉ đồng/năm: Áp dụng thuế suất 20% trên lợi nhuận.

Chuyển đổi sang doanh nghiệp thì hộ kinh doanh được miễn thuế TNDN trong bao lâu?

Căn cứ theo quy định tại Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 quy định về các trường hợp miễn thuế, giảm thuế khác.

Đồng thời căn cứ theo quy định tại Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 quy định về thuế suất.

Như vậy, từ những quy định trên khi chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp thì hộ kinh doanh sẽ được miễn thuế TNDN trong 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Tuy nhiên, việc miễn thuế TNDN đối với hộ kinh doanh chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp chỉ được áp dụng đối với các doanh nghiệp sau khi chuyển đổi có mức doanh thu từ 50 tỷ đồng trở xuống.



C. ĐIỀU CẦN BIẾT THÊM

1. Công văn 2229/TNI-QLDN2 về thời điểm, tỷ giá xuất hóa đơn giá trị gia tăng xuất khẩu



Thời điểm lập hóa đơn đối với hàng hóa xuất khẩu Công ty thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Việc áp dụng tỷ giá quy đổi ghi trên hóa đơn xuất khẩu để ghi nhận doanh thu là tỷ giá mua

của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch.

Trường hợp áp dụng tỷ giá quy đổi ghi trên hóa đơn xuất khẩu để ghi nhận chi phí là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch. Công ty căn cứ tình hình thực tế, đối chiếu với các quy định tại văn bản pháp luật nêu trên và pháp luật có liên quan để thực hiện đúng quy định.

2. Công văn 5875/CT-CS 2025 của Cục Thuế về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp

Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn thì thu nhập được hưởng ưu đãi là thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư trên địa bàn ưu đãi trừ các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật thuế TNDN. Các khoản thu nhập không thuộc thu nhập phát sinh trên địa bàn ưu đãi đầu tư, không thuộc thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư thì không được hưởng ưu đãi thuế TNDN. Doanh nghiệp phải tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế TNDN và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế TNDN để kê khai nộp thuế riêng.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN là tổ chức kiểm toán, tư vấn tài chính chuyên nghiệp, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao bao gồm: Kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư, tư vấn M&A, tư vấn thuế và đào tạo.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN được thành lập và điều hành bởi đội ngũ sáng lập viên và các chuyên gia tâm huyết, am tường về kiểm toán, kế toán, tài chính và quản trị, có nhiều năm nắm giữ vị trí quản lý trong các công ty hàng đầu trong và ngoài nước. Điều này giúp Đại Tín có được một đội ngũ nhân lực cao cấp và có thể cung cấp cho khách hàng các dịch vụ phù hợp với Việt Nam song đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

Liên hệ

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, TƯ VẤN THUẾ, DỊCH VỤ CHUYỂN GIÁ

Văn Phòng : 622/3 Cộng Hòa, Phường Tân Bình, Tp.HCM

Trụ sở : 750/1/15 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, Tp.HCM

ĐT : 0283 500 4494 **Web:** www.kiemtoandaitin.com

Email : langtat@kiemtoandaitin.com; minhthu@kiemtoandaitin.com

Nếu Quý Công ty cần tư vấn chi tiết thì hãy liên hệ phòng tư vấn của Công ty Chúng tôi với số điện thoại dưới đây:

Mr. Lăng - Giám Đốc Kinh Doanh (tiếng Trung) - 0908 608 955

Ms. Thư - Chuyên viên Kinh Doanh (tiếng Trung) - 0343 801 369

Ms. Mỹ - Chuyên viên Kinh Doanh (tiếng Trung) – 0522 023 336

Ms. Trang - Chuyên viên Kinh Doanh (tiếng Trung) – 0326 742 070